TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2026
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị P, địa chỉ: Bản N, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: Ông Tòng Văn P1, địa chỉ: Bản N, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P1 đăng kí kết hôn tại UBND xã B, huyện T(nay là UBND xã B), tỉnh Điện Biên vào ngày 10/01/2000 trên tinh thần tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh P1 hay uống rượu rồi

về nhà đánh, mắng vợ con, gây tổn thương đến sức khỏe, tinh thần của chị P khiến cuộc sống vô cùng ngột ngạt. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh P1.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Tòng Văn Đ, sinh ngày 07/5/2001 và cháu Tòng Thị D sinh ngày 05/10/2003. Các cháu đều đã thanh niên, có khả năng lao động, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho anh P1 nhưng anh P1 không có ý kiến phản hồi. Anh P1 cũng không tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Tòa án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập ấn định thời gian xử vào ngày 10/12/2025 cho các đương sự qua đường bưu chính nhưng vận đơn gửi anh P1 bị hoàn lại vào ngày 03/12/2025 do anh P1 không có mặt tại địa phương (có trưởng bản xác nhận). Tòa án đã lấy lời khai của chị P về sự vắng mặt của anh P1 tại địa phương và xác minh tại nơi cư trú của anh P1, xác định được: trước tháng 11/2025 anh P1 vẫn cư trú tại bản Nà Lấu, xã B, tỉnh Điện Biên nhưng từ khoảng tháng 11/2025, anh P1 đã bỏ nhà đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới ở đâu, cũng không rõ thời điểm trở về. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng trên cho anh P1 theo quy định đồng thời hoãn phiên tòa ngày 10/12/2025 do chưa tống đạt được hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh P1. Tòa án đã hoãn phiên tòa tiếp theo do bị đơn triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh P1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử anh P1.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và các Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

+ Về hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Tòng Văn P1.

+ Về con chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị P vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do bận công việc cá nhân. Chị vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại Bản N, xã B, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị P và anh P1 kết hôn vào ngày 10/01/2000 nên Toà án sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, việc anh P1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 là do anh P1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 238 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh P1.

[5] Về nội D vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị P và anh Tòng Văn P1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T(nay là UBND xã B), tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo bản tự khai của chị P và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã B do chị P cung cấp cho thấy: Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, anh P1 thường xuyên đi uống rượu về đánh, mắng vợ con, mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền khuyên can nhưng anh P1 vẫn không thay đổi, chị P không thể chịu được việc bị đánh, mắng, bạo hành nên không thể sống chung, vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, anh P1 không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải

để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo quyền lợi cho chị P và để giải phóng cho chị khỏi cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân nên đã vi phạm Điều 19 về nghĩa vụ của vợ chồng trong việc duy trì sống chung với nhau, duy trì sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị P về việc ly hôn với anh P1.

[5.2] Về con chung:

Anh chị có hai con chung là cháu Tòng Văn Đ, sinh ngày 07/5/2001 và cháu Tòng Thị D sinh ngày 05/10/2003. Các cháu đều đã thanh niên, có khả năng lao động, phát triển bình thường, chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.3] Về tài sản chung: Do chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.4] Về nợ chung: Do chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Tòng Văn P1.

2. Về con chung: Do các con đều đã thành niên, có khả năng lao động, phát triển bình thường, đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000101 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự Điện Biên. Chị Lò Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1-ĐB;
- UBND xã B, tỉnh ĐB;
(Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh ĐB;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà